NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG HỌC LIỆU SỐ TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE THEO NGHI THỨC LỜI NÓI

Nguyễn Ngọc Hiền[1], Bùi Nguyễn Bích Thy[2]
[1]Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
[2]Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Email: thybnb@hcmue.edu.vn

Tóm tắt: *Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, việc phát triển học liệu số đang trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trong môn Tiếng Việt, việc xây dựng học liệu số hỗ trợ dạy học các kĩ năng ngôn ngữ, đặc biệt là Nói và nghe theo nghi thức lời nói trở thành yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu này tập trung đề xuất các nguyên tắc xây dựng học liệu số trong dạy học Nói và nghe theo nghi thức lời nói nhằm nâng cao hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động dạy học tích hợp học liệu số. Trên cơ sở vận dụng các lí thuyết về dạy học Nói và nghe theo nghi thức lời nói và học liệu số, các nguyên tắc được xác định bao gồm: (1) đảm bảo tính khoa học; (2) đảm bảo tính đa phương thức; (3) đảm bảo tính phù hợp với học sinh tiểu học; (4) đảm bảo tính tương tác và phản hồi tức thời; (5) đảm bảo giảm tải nhận thức của học sinh. Nghiên cứu mở ra hướng tiếp cận tiềm năng trong việc tích hợp công nghệ vào dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.*

Từ khóa: *Học liệu số, nói và nghe, nghi thức lời nói, giáo dục tiểu học.*

DESIGN PRINCIPLES FOR DIGITAL LEARNING MATERIALS IN TEACHING SPEAKING AND LISTENING SKILLS BASED ON SPEECH ETIQUETTE

Abstract: *Amid the digital transformation of education, the development of digital learning materials has become a key priority. In the Vietnamese language curriculum, creating digital materials to support the teaching of language skills-particularly speaking and listening based on speech etiquette-has become increasingly urgent. This study proposes design principles for digital learning materials to support the teaching of speaking and listening within the framework of speech etiquette, thereby enhancing the effectiveness of technology-integrated instruction. Drawing on theories of speaking and listening instruction and digital learning materials, the proposed principles include: (1) scientific validity; (2) multimodality; (3) suitability for primary school students; (4) interactivity and immediate feedback; and (5) cognitive load reduction. The study suggests a promising approach to integrating technology into primary-level language education, aligning with current educational reform demands.*

Keywords: *Digital learning materials, speaking and listening skills, speech etiquette, primary education.*

Nhận bài: 11/06/2026 Phản biện: 11/07/2026 Duyệt đăng: 14/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là giáo dục. Tại Việt Nam, nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành nhằm thúc đẩy quá trình này, trong đó nhấn mạnh vai trò của việc phát triển học liệu số (HLS) như một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng dạy học. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình (CT) chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" đã xác định giáo dục là một trong những lĩnh vực ưu tiên, với các nhiệm vụ như số hóa tài liệu, xây dựng nền tảng học tập trực tuyến và phát triển hệ sinh thái tài nguyên giáo dục số dùng chung. Tiếp đó, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 tiếp tục nhấn mạnh việc phát triển kho HLS và học liệu mở nhằm đảm bảo chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

Song song đó, CT Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 cũng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong việc dạy và học, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực toàn diện cho học sinh (HS) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trong môn Tiếng Việt ở tiểu học (TH), hoạt động nói và nghe giữ vị trí quan trọng trong việc hình thành năng lực giao tiếp. Theo Palmer (2014), con người đã sử dụng phần lớn thời gian cho hoạt động nghe (45%) và nói (30%), những con số này đã khẳng định tầm quan trọng cũng như phạm vi giao tiếp trực tiếp của con người trong xã hội hiện đại. Với tầm quan trọng ấy, có thể khẳng định hoạt động nói và nghe giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ cho mỗi người. CT GDPT 2018 quy định rõ thời lượng dành cho hoạt động nói và nghe là khoảng 10% số tiết của năm học, ít hơn đọc và viết (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) nhưng không vì thế mà chúng

không quan trọng. Trên thực tế, hoạt động nói và nghe đã được hình thành từ trước khi HS bước vào bậc học TH. Đó là quá trình các em giao tiếp với gia đình, thầy cô, bạn bè và xã hội; tuy nhiên quá trình này chưa thực sự chuẩn mực về mặt ngôn ngữ do các em chưa được học bài học rèn năng lực nói và nghe cụ thể như ở bậc TH. Việc dạy học nói và nghe theo nghi thức lời nói (NTLN) không chỉ giúp HS diễn đạt rõ ràng, lắng nghe hiệu quả mà còn hình thành thói quen giao tiếp văn minh, lịch sự. Đây là kĩ năng quan trọng để các em hòa nhập và phát triển trong môi trường học tập cũng như ngoài đời sống xã hội.

Thực tế cho thấy, hiện nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu sử dụng HLS trong dạy học nói chung và dạy học môn Tiếng Việt nói riêng. Nguyễn Cát Lượng và cộng sự (2023) đã nghiên cứu và đề xuất cách thức xây dựng website hỗ trợ dạy học tại nhà môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 4 và minh họa một số hoạt động tổ chức dạy học dự án với website. Nguyễn Hoàng Bách Phương và cộng sự (2025) đã nghiên cứu và xây dựng thành công website chứa hệ thống trường từ vựng chỉ cảm xúc hỗ trợ trong dạy viết văn miêu tả cho HS lớp 4, 5. Riêng về dạy học nói và nghe, Bùi Linh Trang (2025) đã thiết kế các đoạn phim hoạt hình sinh động hỗ trợ dạy học kể chuyện cho HS lớp 2, giúp các em ghi nhớ nội dung câu chuyện tốt hơn và tăng mức độ hứng thú học tập. Dù có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến việc sử dụng HLS trong dạy học Tiếng Việt, song, các nghiên cứu này thường tập trung vào việc hỗ trợ và phát triển các kĩ năng đọc, viết mà ít chú trọng đến nói và nghe. Nếu có cũng sẽ tập trung vào việc xây dựng nguồn HLS hỗ trợ dạy học Kể chuyện mà thiếu đi Nói và nghe theo NTLN. Chính khoảng trống này đã đặt ra nhu cầu cần thiết cho việc triển khai đề tài, nhằm góp phần bổ sung hướng nghiên cứu còn ít được quan tâm.

Từ những cơ sở trên, việc nghiên cứu và đề xuất các nguyên tắc xây dựng HLS trong dạy học Nói và nghe theo NTLN là cần thiết, góp phần hoàn thiện cơ sở lí luận và cung cấp định hướng thực tiễn cho việc thiết kế, sử dụng HLS trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lí luận

2.1.1. Nói và nghe theo nghi thức lời nói

2.1.1.1. Khái niệm nói, nghe, nghi thức lời nói

Nói là hoạt động tạo lời nói để biểu đạt ý tưởng, cảm xúc và thực hiện mục đích giao tiếp. Theo Austin (1962) và Searle (1969), nói là một hành vi ngôn ngữ có chủ đích, chịu sự chi phối của các quy ước xã hội. Nguyễn Trí (2008) cho rằng nói là quá trình lựa chọn nội dung, phương tiện ngôn ngữ và sử dụng bộ máy phát âm để truyền đạt thông tin.

Nghe là hoạt động tiếp nhận, giải mã và xử lý lời nói trong giao tiếp. Rost (2011) nhấn mạnh nghe là quá trình chủ động gồm nhận diện âm thanh, phân tích ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa và phản hồi; Brown (2001) xem nghe là thành tố cốt lõi của năng lực giao tiếp vì quyết định hiệu quả tương tác.

Nghi thức lời nói (NTLN) là hệ thống các quy tắc và quy ước ứng xử bằng lời trong những tình huống giao tiếp mang tính nghi thức, phù hợp với bối cảnh, quan hệ xã hội và đặc điểm văn hóa của từng cộng đồng (Phoromanopxcaia, 1987). NTLN phản ánh các chuẩn mực giao tiếp được hình thành từ phong tục, tập quán và quy định xã hội trong từng giai đoạn lịch sử.

2.1.1.2. Vận dụng lý thuyết hội thoại trong dạy học Nói và nghe theo nghi thức lời nói

Theo Đặng Thị Lệ Tâm (2012), NTLN chủ yếu xuất hiện trong giao tiếp hội thoại. Hội thoại được xem là môi trường của NTLN. Vì thế, việc nghiên cứu NTLN cần được đặt trong góc nhìn hội thoại. Ở các lớp đầu của bậc TH, GV cần rèn luyện cho HS các kĩ năng sử dụng NTLN như sau:

1. Kĩ năng xác định các nhân tố giao tiếp

Các nhân tố giao tiếp gồm nội dung giao tiếp, nhân vật giao tiếp (người nói, người nghe), mục đích giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp. Các nhân tố này có mối liên hệ với nhau, cùng hướng tới mục đích giao tiếp. Trong thực tế, HS TH thường gặp khó khăn khi xác định các nhân tố này, do đó GV cần hướng dẫn cụ thể để giúp các em tham gia hoạt động giao tiếp hiệu quả hơn.

2. Kĩ năng tạo lập và lĩnh hội NTLN

Dạy học NTLN cần kết hợp cả hai hoạt động: tạo lập (sản sinh) lời nói và lĩnh hội (tiếp nhận) lời nói. HS cần biết lựa chọn cách nói, từ ngữ xưng hô phù hợp, đồng thời tham gia trao và đáp lời trong giao tiếp. Việc hình thành kĩ năng này góp phần phát triển năng lực giao tiếp và tư duy của HS.

3. Kĩ năng sử dụng NTLN mở đầu và kết thúc hội thoại

Các phát ngôn NTLN có thể đảm nhận nhiều chức năng như mở đầu, chuyển đề tài, kết thúc, dẫn nhập và hồi đáp. Với HS lớp đầu TH, việc rèn luyện chủ yếu tập trung vào kĩ năng mở đầu và kết thúc cuộc thoại, phù hợp với đặc điểm vốn ngôn ngữ và kinh nghiệm còn hạn chế; các kĩ năng phức tạp hơn sẽ được phát triển ở các lớp trên. Việc phân định rõ ràng, hợp lý các nội dung rèn luyện NTLN dựa trên các cơ sở khoa học cho các giai đoạn học tập thì mới đạt được kết quả như mong muốn.

4. Kĩ năng tạo lập quan hệ và duy trì giao tiếp

NTLN có vai trò quan trọng trong việc thiết lập và duy trì quan hệ giao tiếp. Việc sử dụng không phù hợp có thể dẫn đến sai lệch chuẩn mực và ảnh hưởng đến quan hệ xã hội. Ngược lại, sử dụng đúng NTLN giúp HS giao tiếp hiệu quả hơn, xây dựng mối quan hệ thân thiện và thể hiện phẩm chất văn hoá trong ứng xử.

2.1.2. Học liệu số trong dạy học

2.1.2.1. Khái niệm học liệu số

Quy định tại khoản 2, điều 2 Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT nêu rõ: "HLS (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác."

2.1.2.2. Đặc trưng của học liệu số

Theo Nguyễn Thị Thanh Thúy và Trần Thu Trang (2025), HLS có những đặc trưng cơ bản về hình thức, chức năng và nội dung.

Về hình thức, HLS được số hóa và thể hiện dưới dạng đa phương tiện như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video,… thay vì chỉ tồn tại ở các dạng truyền thống như sách in, tranh ảnh hay mô hình.

Về chức năng, HLS nổi bật ở khả năng tương tác cao. Thông qua các nền tảng số, HS có thể chủ động tiếp nhận kiến thức, tham gia các hoạt động học tập và tạo sản phẩm mà không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Về nội dung, HLS có tính mở và khả năng cập nhật nhanh chóng. Không giống sách giáo khoa thường chỉ được điều chỉnh qua các lần tái bản, HLS có thể bổ sung kịp thời những thông tin và kết quả nghiên cứu mới, giúp mở rộng và làm sâu sắc kiến thức cho HS.

Tuy nhiên, việc sử dụng HLS trong dạy học cần tuân thủ một số nguyên tắc: tránh lạm dụng yếu tố đa phương tiện gây phân tán chú ý; đảm bảo kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn để tăng độ tin cậy; đồng thời kết hợp linh hoạt giữa HLS và học liệu truyền thống, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm người học.

2.1.2.3. Phân loại học liệu số

HLS tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau và được phân loại theo nhiều tiêu chí như dạng thức kĩ thuật hoặc mục đích sử dụng (Huỳnh Văn Sơn, 2023). Trong nghiên cứu này, dựa trên tiêu chí dạng thức kĩ thuật gắn với dạy học NTLN, HLS được chia thành năm loại.

Loại thứ nhất là dạng thức văn bản, bao gồm các tình huống giao tiếp, đoạn hội thoại mẫu, hệ thống câu hỏi gợi ý liên quan đến NTLN, nhằm định hướng cho HS lựa chọn và sử dụng lời nói phù hợp trong từng tình huống cụ thể.

Loại thứ hai là dạng thức hình ảnh, bao gồm các tranh minh họa tình huống giao tiếp với nhân vật và bối cảnh (gia đình, nhà trường, nơi công cộng), được thiết kế với sự hỗ trợ của công nghệ đồ họa và trí tuệ nhân tạo (AI).

Loại thứ ba là dạng thức âm thanh và đoạn phim tình huống, bao gồm các bản ghi giọng nói, video hoạt hình có tính trực quan, sinh động, giúp thể hiện ngữ điệu, cảm xúc qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, từ đó hỗ trợ HS rèn luyện NTLN hiệu quả.

Loại thứ tư là dạng thức mô phỏng, tương tác, bao gồm video bài giảng tương tác và các trò chơi luyện tập. Nhờ khả năng tương tác, loại học liệu này góp phần tăng hứng thú học tập và nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học.

Loại cuối cùng là hỗn hợp các dạng thức nói trên, bao gồm hết tất cả những định dạng học liệu số nói trên, được thể hiện lại dưới hình thức là trang web, bài giảng điện tử, sách điện tử tương tác,...

2.1.2.4. Vai trò của học liệu số trong dạy học Nói và nghe theo nghi thức lời nói

Theo Piaget (1952) và Vygotsky (1978), người học không tiếp nhận tri thức một cách thụ động mà thay vào đó là chủ động kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm, hoạt động thực tiễn và tương tác xã hội. Từ góc nhìn này, HLS không chỉ là phương tiện truyền tải thông tin mà còn là môi trường học

tập mở, hỗ trợ HS tham gia tích cực vào quá trình kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm, tương tác và suy ngẫm trong các tình huống giao tiếp có ý nghĩa. Thông qua việc tương tác với HLS, HS có cơ hội tham gia vào các hoạt động như trao đổi, đối thoại, trình bày ý kiến và phản hồi, qua đó rèn luyện kĩ năng giao tiếp và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh.

Theo Mayer (2009), việc học đạt hiệu quả cao hơn khi người học xử lí thông tin đồng thời qua hai kênh: kênh hình ảnh và kênh ngôn ngữ. Sự kết hợp hợp lí giữa hai kênh này giúp tối ưu hóa quá trình tiếp nhận, đồng thời hạn chế quá tải nhận thức. Trên cơ sở đó, HLS có ưu thế trong việc tích hợp đa phương tiện như âm thanh, hình ảnh, video và mô phỏng tương tác, góp phần trực quan hóa các tình huống giao tiếp. Cách trình bày này không chỉ giúp HS tiếp nhận và ghi nhớ thông tin tốt hơn mà còn tạo điều kiện để các NTLN như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, chúc mừng, từ chối,… được tái hiện sinh động, gần gũi với đời sống. Nhờ đó, HS dễ dàng quan sát, lắng nghe, bắt chước và vận dụng vào trong giao tiếp; góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên và bền vững.

2.2. Nguyên tắc xây dựng học liệu số trong dạy học Nói và nghe theo nghi thức lời nói

2.2.1. Nguyên tắc 1. Đảm bảo tính khoa học

Việc thiết kế HLS cần dựa trên các yêu cầu cần đạt về kĩ năng nói, nghe và nói – nghe tương tác theo CT GDPT 2018, đồng thời đảm bảo tính chính xác và chuẩn mực của ngôn ngữ. Các mẫu lời nói được đưa vào HLS phải chuẩn mực, phù hợp với bối cảnh và đối tượng giao tiếp; hỗ trợ HS rèn luyện cách diễn đạt rõ ràng, biết hướng sự chú ý đến người nghe và thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp; góp phần hình thành thói quen lắng nghe và phản hồi tích cực, hướng tới xây dựng môi trường giao tiếp có văn hóa. Bên cạnh đó, các yếu tố như hình ảnh, âm thanh và video cần được lựa chọn, thiết kế có chủ đích nhằm làm rõ nội dung dạy học về NTLN, tránh tình trạng sử dụng minh họa mang tính hình thức, không gắn với mục tiêu rèn luyện kĩ năng.

2.2.2. Nguyên tắc 2. Đa phương thức

HLS cần được xây dựng trên cơ sở kết hợp nhiều phương thức biểu đạt như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video và các hoạt động tương tác nhằm hỗ trợ quá trình tiếp nhận thông tin của HS. Sự đa dạng này không chỉ làm tăng tính hấp dẫn của nguồn học liệu mà còn tạo điều kiện để HS huy động nhiều giác quan vào trong học tập, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp nhận, ghi nhớ và thực hành kĩ năng nói – nghe. Đối với HS TH, cần ưu tiên các yếu tố trực quan như hình ảnh rõ ràng, màu sắc hài hòa, âm thanh dễ nghe và các video ngắn gọn, phù hợp với nội dung giao tiếp. Tuy nhiên, việc sử dụng đa dạng các phương thức cần được cân nhắc hợp lí, tránh lạm dụng gây quá tải hoặc làm phân tán sự chú ý của HS.

2.2.3. Nguyên tắc 3. Đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học

HLS phải được thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm lí, nhận thức và khả năng tiếp nhận của HS TH. Các câu lệnh cần ngắn gọn, dễ hiểu; các mẫu lời nói phải đảm bảo chuẩn mực; tình huống giao tiếp và ngôn ngữ sử dụng gần gũi, quen thuộc với đời sống hằng ngày của các em. Bên cạnh đó, cần chú trọng các yếu tố trực quan như hình ảnh rõ nét, màu sắc phù hợp, âm thanh rõ ràng với tốc độ vừa phải để hỗ trợ quá trình tiếp nhận. Thời lượng video nên ngắn, nội dung tập trung nhằm phù hợp với khả năng chú ý của HS. Đồng thời, các hoạt động học tập cần được thiết kế theo tiến trình từ dễ đến khó, giúp HS từng bước tiếp cận, luyện tập và củng cố kĩ năng giao tiếp.

2.2.4. Nguyên tắc 4. Đảm bảo tính tương tác và phản hồi tức thời

HLS cần tạo ra môi trường học tập có tính tương tác cao, khuyến khích học sinh tham gia chủ động vào các hoạt động học tập. Tính tương tác được thể hiện qua sự kết nối giữa HS với nguồn học liệu cũng như giữa HS với HS trong các tình huống giao tiếp. Do đó, HLS cần tích hợp các hình thức phản hồi đa dạng, tạo cơ hội cho HS bày tỏ ý kiến, lựa chọn cách diễn đạt và tham gia vào các tình huống giao tiếp mô phỏng. Trong quá trình thiết kế, có thể đưa vào các hoạt động như lựa chọn cách nói phù hợp, đóng vai theo tình huống hoặc tham gia các trò chơi tương tác, trong đó HS nhận được phản hồi ngay lập tức để kịp thời điều chỉnh hành vi giao tiếp của mình.

2.2.5. Nguyên tắc 5. Giảm tải nhận thức

Nội dung và hình thức trình bày của HLS cần được thiết kế phù hợp với khả năng xử lí thông tin của HS TH, nhằm tránh gây quá tải nhận thức. Giao diện HLS cần rõ ràng, bố cục khoa học, màu sắc hài hòa để hỗ trợ việc tiếp nhận thông tin. Hình

ảnh nên gần gũi với lứa tuổi HS TH, hạn chế các chi tiết thừa gây rối mắt. Âm thanh cần rõ ràng, dễ nghe; có thể sử dụng nhạc nền nhẹ nhàng hoặc hiệu ứng đơn giản để tăng tính hấp dẫn nhưng cần tiết chế hợp lí, tránh gây phân tán sự chú ý của HS. Các video tình huống cần ngắn gọn, tập trung vào nội dung giao tiếp, với nhân vật có biểu cảm và cử chỉ rõ ràng, góp giúp HS dễ dàng nhận diện và hiểu nội dung. Việc đảm bảo các yếu tố này góp phần giúp HS tập trung vào trọng tâm giao tiếp, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp nhận và ghi nhớ thông tin của HS.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ các nguyên tắc xây dựng HLS hỗ trợ dạy học Nói và nghe theo NTLN cho HS TH. Việc xác lập các nguyên tắc không chỉ góp phần định hướng quá trình thiết kế HLS một cách khoa học và hiệu quả, mà còn tạo điều kiện phát huy vai trò chủ động của HS trong quá trình học tập. Trên cơ sở đó, HLS được khẳng định không chỉ là phương tiện hỗ trợ mà còn là môi trường học tập tích cực, giúp tái hiện các tình huống giao tiếp gần gũi với đời sống, qua đó hỗ trợ HS rèn luyện NTLN một cách tự nhiên và bền vững. Vận dụng linh hoạt các nguyên tắc đã được đề xuất vào việc thiết kế HLS sẽ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Nói và nghe theo NTLN ở TH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Austin, J. L. (1962). How to do things with words. Oxford University Press

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Brown, H. D. (2001). Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy (2nd ed). Longman.

Bùi Linh Trang. (2025). Thiết kế video kể chuyện trong dạy học Nói và nghe – môn Tiếng Việt. Http://Thuvien.Hluv.Edu.vn:8080/Handle/DHLH123/682.

Bùi Nguyễn Bích Thy, Nguyễn Cát Lượng, Phạm Thị Quỳnh Anh, Lê Ngọc Yến Nhi, & Nguyễn Thị Phương Trang. (2023). Thiết kế website hỗ trợ dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Bốn theo phương pháp dạy học dự án. Tạp Chí Khoa Học Trường Đại học Sư phạm, 20. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.1.3561(2023)

Đặng Thị Lệ Tâm. (2012). Dạy học nghi thức lời nói cho học sinh tiểu học trong môn tiếng Việt.

Huỳnh Văn Sơn. (2023). Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thiết kế học liệu số hỗ trợ dạy học, giáo dục tiểu.

Mayer, R. E. (2009). Multimedia learning (2nd ed.). Cambridge University Press.

Nguyễn Thị Thanh Thúy, & Trần Thu Trang. (2025). Đề xuất quy trình xây dựng kho học liệu số trong dạy học phân môn Lịch sử 8 ở trường Trung học cơ sở. Https://Vjol.Info.vn/Index.Php/Otn/Article/View/127956.

Nguyễn Thị Xuân Yến, Nguyễn Hoàng Bách Phương, Nguyễn Thị Ngọc Sáng, & Trương Mai Ngọc Quý. (2025). Xây dựng trường từ vựng chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết văn miêu tả cho học sinh lớp Bốn, lớp Năm. Tạp chí Giáo dục, 25(11), 29-34.

Nguyễn Trí. (2008). Một số vấn đề về dạy hội thoại cho học sinh tiểu học. NXB Giáo dục.

Palmer, E. (2014). Teaching the Core Skills of Listening and Speaking. In https://books.google.com.vn/books/about/Teaching_the_Core_Skills_of_Listening_an.html?id=_ozgEAAAQBAJ&redir_esc=y.

Piaget, J. (1952). The origins of intelligence in children. International Universities Press.

Rost, M. (2011). Teaching and Researching: Listening (2nd ed.). Pearson Education.

Searle, J. R. (1969). Speech acts: An essay in the philosophy of language. Cambridge University Press.

Vygotsky, L. S. (1978). Mind in society: The development of higher psychological processes. Harvard University Press